

Số:72/2021/HNGĐ-ST

Ngày:18/3/2021

V/v Tranh chấp: *Ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Triệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: Lê Thị Kim Phụng

2. Ông: Huỳnh Trí Dũng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:***

Bà: Võ Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/HNGĐST ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc xin ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, trú tại thôn Tân, xã Đạ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Minh S, trú tại thôn Tân, xã Đạ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/ 01/2021 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Năm 2017, chị T và anh S tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đạ. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại xã Đạ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn và kéo dài đến nay, Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S đã có hai đời vợ, một vợ đã ly hôn, một vợ đã chết, thế nhưng sau khi kết hôn với chị anh S không tu tâm dưỡng tính, mà thường thường chửi bới và hăm dọa, nhất là khi đi nhậu về thường đánh và đòi giết chị, anh S còn hung hăng và lăng nhăng bên ngoài chị bắt được và ghi âm việc hẹn hò mà còn đánh chị, không chịu nổi, nên chị về nhà mẹ ruột ở thì anh S sang nhà mẹ chị, chửi bới và nhục mạ gia đình chị và còn đập đồ đạc trong nhà.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Minh S, để mỗi được tự do, định đoạt cuộc sống riêng của mình.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 1 năm 2021 và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Minh S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S khai như chị Lê Thị T, đã trình bày và cũng theo anh S trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, anh có vài lần đánh vợ. Nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị. Chị bỏ nhà đi, anh khuyên về

nhưng chị không về. Sau khi vợ anh nộp đơn xin ly hôn, trong thời gian Tòa án tiến hành hòa giải, anh xét thấy vẫn còn tình cảm với vợ, nên anh mong muốn được đoàn tụ nhưng tại phiên tòa vợ anh kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: không có

- Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh S đều khai tài sản chung và nợ chung: không có

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

1. Về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thì thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng như việc gửi các văn bản tố tụng cho VKS và những người tham gia tố tụng.

2. Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã điều hành phiên tòa diễn ra nghiêm túc, chấp hành đúng các quy định của BLTTDS về các thủ tục, trình tự tiến hành đảm bảo các quyền của các đương sự khi tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn Lê Thị T và bị đơn anh Phạm Minh S đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Lê Thị T và anh Phạm Minh S đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt và thực tế anh S và chị T đã ly thân nên đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị T với anh Phạm Minh S

Về con chung: Không có

Về quan hệ tài sản: anh S và chị T khai không có tài sản, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Xét quan hệ hôn nhân:* Giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Minh S thì thấy anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đạ năm 2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của chị T và anh S thì thấy. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến nay thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị T đã trình bày. Sự mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ tháng 12 năm 2020 đến nay, Hội đồng xét xử, xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T với anh Phạm Minh S

- *Về quan hệ con chung:* Không có

- *Về quan hệ tài sản chung:* Chị T và anh S đều thống nhất tự giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án Phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX chấp nhận sự tự nguyện chị Lê Thị T về chịu án phí

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 203, các Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Minh S

- *Về quan hệ con chung:* Không có .

- *Về tài sản chung, nợ chung:* chị Lê Thị T và anh Phạm Minh S thỏa thuận tự giải quyết

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Lê Thị T tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng , chị T đã nộp theo biên lai thu số 3938 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- *TAND tỉnh Quảng Nam*
- *VKSND huyện Đ*
- *THADS huyện Đ*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Triệu**